

THỦ TƯỚNG CHÍNH  
PHỦ  
Số: 73/2006/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2006

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành  
công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010,  
tầm nhìn đến năm 2020**

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Bộ Công nghiệp tại tờ trình số 2723/TTr-KH ngày 27 tháng 5 năm 2005 và Công văn số 4373/CV-KH ngày 16 tháng 8 năm 2005; ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan,*

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

### **I. Quan điểm, mục tiêu và định hướng ưu tiên phát triển**

#### **1. Quan điểm**

a) Quan điểm phát triển toàn ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp trên cơ sở phát huy tổng hợp nguồn lực của mọi khu vực kinh tế, trong đó khu vực công nghiệp nhà nước giữ vai trò định hướng.
- Phát triển công nghiệp theo hướng hình thành cân đối động, đảm bảo sự ưu tiên phát triển các ngành, vùng phù hợp với nguồn lực và lợi thế trong từng thời kỳ và phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Phát triển công nghiệp phải bảo đảm tham gia một cách chủ động và hiệu quả vào liên kết công nghiệp và hiệp tác sản xuất giữa các doanh nghiệp, giữa các ngành và với các tập đoàn đa quốc gia trên thế giới.
- Phát triển công nghiệp gắn chặt với phát triển dịch vụ; phát triển công nghiệp nông thôn, tạo động lực trực tiếp cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hoá.
- Phát triển công nghiệp gắn kết với các yêu cầu của phát triển bền vững, tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.
- Phát triển công nghiệp kết hợp với yêu cầu củng cố quốc phòng và an ninh quốc gia.

#### b) Quan điểm phát triển công nghiệp theo vùng lãnh thổ

Phát huy lợi thế của từng vùng để phát triển theo cơ cấu kinh tế mở, gắn với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Các vùng kinh tế trọng điểm phát huy vai trò đầu tàu, phát triển nhanh theo hướng chuyển dần sang các ngành công nghiệp có công nghệ và kỹ thuật cao, có giá trị gia tăng cao, thúc đẩy phát triển các vùng khác.

Gắn các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản với các vùng nguyên liệu và vùng nông thôn, miền núi.

### 2. Định hướng phát triển công nghiệp

#### a) Định hướng phát triển công nghiệp đến năm 2010

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu như: thủy điện, chế biến nông, lâm, thủy sản, may mặc, da - giày, điện tử - tin học, một số sản phẩm cơ khí, dược phẩm và tiêu dùng...

Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng: dầu khí, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng... với bước đi hợp lý, phù hợp điều kiện vốn, công nghệ, thị trường, phát huy được hiệu quả.

Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hoá. Chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm tin học.

Phát triển có hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất, xây dựng một số khu công nghệ cao và khu kinh tế mở.

Khuyến khích phát triển các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn để tạo điều kiện phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp với ngành, nghề đa dạng, thu hút nhiều lao động góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

#### b) Tầm nhìn công nghiệp Việt Nam đến 2020

Phấn đấu đến năm 2020, GDP công nghiệp và xây dựng có thể tăng tối thiểu gấp 5 lần so với năm 2000. Tỷ trọng GDP công nghiệp và xây dựng trong tổng GDP của cả nước đạt trên 45% vào năm 2020. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, đạt 87 - 88% vào năm 2020. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%. Tỷ lệ hàng chế tạo trong xuất khẩu đạt 70 - 75%. Tỷ lệ nhóm ngành sử dụng công nghệ cao đạt khoảng 40 - 50%. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu hàng công nghiệp đạt 85 - 90% giá trị xuất khẩu của cả nước.

### 3. Mục tiêu

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt mức tăng trưởng bình quân 15 - 16%/năm giai đoạn 2006 - 2010.

Tỷ trọng của công nghiệp và xây dựng trong GDP đạt 43 - 44% (riêng công nghiệp 37 - 38%) năm 2010.

Duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành công nghiệp ở mức trên 10,2%/năm giai đoạn 2006 - 2010 và trên 10,3%/năm giai đoạn sau 2010.

Tốc độ đổi mới công nghệ ngành công nghiệp đạt trung bình 12 - 15%/năm.

Xây dựng đội ngũ lao động khoa học công nghệ trong ngành công nghiệp đảm bảo về số lượng, trình độ để nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận, vận hành, khai thác có hiệu quả các công nghệ, trang thiết bị của ngành.

Kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp tăng trung bình 16 - 18%/năm.

Mục tiêu tăng trưởng chi tiết xem Phụ lục I.

## **II. Định hướng và mục tiêu phát triển công nghiệp theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010 (phân vùng cụ thể xem Phụ lục IX).**

### **1. Vùng 1**

#### **a) Định hướng**

Tập trung phát triển thủy điện, chế biến nông, lâm sản (giấy, chè, gỗ, thực phẩm, đồ uống...) khai thác và chế biến khoáng sản (quặng sắt, apatit, than, đồng, chì, kẽm, thiếc, vonfram), hoá chất, phân bón, luyện kim, sản xuất vật liệu xây dựng. Chú trọng phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

#### **b) Mục tiêu**

Đưa tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 23 - 24% năm 2010; tỷ trọng các ngành công nghiệp cơ bản đạt 37 - 38% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng. Duy trì tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản đạt 25 - 26%.

Mục tiêu tăng trưởng chi tiết xem Phụ lục II.

### **2. Vùng 2**

#### **a) Định hướng**

Tập trung phát triển ngành cơ khí (cơ khí chế tạo, đóng tàu, thiết bị điện, các phương tiện vận tải....), nhiệt điện, phát triển ngành điện tử và công nghệ thông tin, hoá chất, luyện kim, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Tiếp tục phát triển nhanh công nghiệp dệt may, da giày phục vụ xuất khẩu. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

#### **b) Mục tiêu**

Tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 40 - 41% năm 2010; tỷ trọng các ngành công nghiệp cơ bản đến năm 2010 chiếm 45,8 - 46,8% tổng giá trị sản xuất

công nghiệp của vùng, trong đó riêng ngành cơ khí (cơ khí chế tạo, đóng tàu, thiết bị điện, các phương tiện vận tải....) chiếm 27,5 - 28,5%.

Mục tiêu tăng trưởng chi tiết xem Phụ lục III.

### 3. Vùng 3

#### a) Định hướng

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản, lọc, hoá dầu, đóng tàu, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng và dệt may, da giày. Từng bước tạo dựng, phát triển ngành điện tử và công nghệ thông tin để hỗ trợ cho các ngành khác phát triển.

#### b) Mục tiêu

Đến năm 2010, tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 46 - 47%, tỷ trọng các ngành công nghiệp cơ bản đạt 24 - 25%, trong đó riêng ngành hoá chất chiếm 19 - 20%. Duy trì tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản ở mức 39 - 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng. Hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Mục tiêu tăng trưởng chi tiết xem Phụ lục IV.

### 4. Vùng 4

a) Định hướng Tập trung phát triển thủy điện, công nghiệp chế biến nông lâm sản (như cà phê, cao su, bột giấy, mía đường...) và khai thác, chế biến khoáng sản, đặc biệt là boxit.

#### b) Mục tiêu

Tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 13 - 14% năm 2010; tỷ trọng công nghiệp chế biến nông lâm sản, như cà phê, cao su, bột giấy, mía đường... chiếm 38 - 39% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng; các ngành công nghiệp cơ bản chiếm 27,6 - 28,5%, trong đó phần đầu đưa tổ hợp bôxit - alumin quy mô lớn vào sản xuất phục vụ xuất khẩu.

Mục tiêu tăng trưởng chi tiết xem Phụ lục V.

### 5. Vùng 5

#### a) Định hướng